

# TÌM HIỂU MÔ HÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ GIẢNG DẠY Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC WOLLONGONG (AUSTRALIA)

NGUYỄN DANH NAM\*

Ngày nhận bài: 09/09/2016; ngày sửa chữa: 13/09/2016; ngày duyệt đăng: 14/09/2016.

**Abstract:** Training high quality teacher resources has been an urgent demand of the education in the regional and international integration. However, it is difficult to attract talented persons to be teachers even though they have pedagogical university degrees. The article analyses experiences of Australia in training teachers and proposes a model of master teaching with aim to create opportunities for non-pedagogical graduates to become teachers.

**Keywords:** Postgraduate, professional competency, master of teaching.

Theo Điều 77, **Luật Giáo dục** (sửa đổi bổ sung năm 2009), trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo được quy định như sau: “*Có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm đối với giáo viên (GV) mầm non, GV tiểu học; Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp cao đẳng và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (NVSP) đối với GV trung học cơ sở; Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm hoặc có bằng tốt nghiệp đại học và có chứng chỉ bồi dưỡng NVSP đối với GV trung học phổ thông (THPT)*” [1; tr 91]. Như vậy, đối với bậc tiểu học, người có bằng cử nhân ngoài ngành sư phạm muốn trở thành GV tiểu học (GV tiếng Anh) nếu có chứng chỉ NVSP học theo chương trình bồi dưỡng NVSP cho GV dạy tiếng Anh ở bậc tiểu học. Người có bằng cử nhân ngoài ngành sư phạm muốn trở thành GV THPT nếu có chứng chỉ NVSP học theo chương trình bồi dưỡng NVSP cho GV THPT được ban hành kèm theo Thông tư số 40/2011/TT-BGDĐT ngày 16/9/2011 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT. Tuy nhiên, theo Quyết định số 1090/QĐ-BGDĐT ngày 27/3/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT về việc tạm dừng bồi dưỡng, cấp chứng chỉ NVSP cho những người tốt nghiệp đại học muốn trở thành GV THPT thì những người tốt nghiệp đại học ngoài ngành sư phạm hiện nay không có cơ hội để trở thành GV THPT. Đây là một sự lãng phí về nguồn nhân lực khi nhiều cử nhân xuất sắc hoặc những người có trình độ chuyên môn giỏi thuộc nhiều lĩnh vực có tâm huyết với nghề dạy học và muốn trở thành GV không thể đi dạy học. Vấn đề đào tạo nguồn nhân lực GV chất lượng cao hiện nay đang đặt ra thách thức lớn đối với ngành giáo dục khi mà *điểm tuyển sinh vào nhiều ngành đào tạo sư phạm còn thấp và chất lượng đào tạo ở các trường sư phạm chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội.* Đặc biệt, hiện nay xã

hội đang thiếu nguồn nhân lực GV có thể giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh trong khi đó có nhiều cử nhân có trình độ tiếng Anh rất tốt nhưng không có cơ hội để trở thành GV. Chính vì vậy, cần thiết phải xây dựng một mô hình đào tạo mới nhằm thu hút những người giỏi có điều kiện tham gia cống hiến cho nghề dạy học.

## 1. Mô hình thạc sĩ giảng dạy tại Trường Đại học Wollongong

Chương trình đào tạo GV các cấp của Australia được thiết kế có tham chiếu đến chuẩn nghề nghiệp GV (Australian Professional Standards for Teachers) và khung trình độ năng lực quốc gia 10 bậc (Australian Qualifications Framework - AQF). Chuẩn nghề nghiệp GV được chia thành 3 lĩnh vực với 7 tiêu chuẩn: - *Kiến thức nghề nghiệp* (Professional Knowledge); - *Thực hành nghề nghiệp* (Professional Practice); - *Cam kết nghề nghiệp* (Professional Engagement). Mỗi tiêu chuẩn đều được mô tả ở 4 cấp độ khác nhau, đó là: Tốt nghiệp (Graduate); Giỏi (Proficient); Xuất sắc (High Accomplished); Dẫn đầu (Lead). Chuẩn GV được áp dụng cho tất cả GV ở mọi cấp học, trình độ đào tạo cũng như loại hình trường trong các cơ sở giáo dục. Mục đích của bộ chuẩn nhằm: + Cung cấp cơ sở (nền tảng) cho mọi GV xác định nhu cầu phát triển nghề nghiệp của mình và định hướng cho họ tiếp tục học tập và nâng cao tay nghề; + Cung cấp cơ sở cho việc xây dựng chương trình đào tạo GV; + Bày tỏ những mong đợi/kì vọng đối với nghề dạy học.

Ở Australia có hai mô hình đào tạo GV chủ yếu đó là: *mô hình đào tạo tại trường đại học sư phạm hoặc tại khoa giáo dục của các trường đại học tổng hợp* (thời gian là 4 năm) và *mô hình đào tạo bậc cử nhân*

\* Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

và thêm 2 năm thạc sĩ giảng dạy (Master of Teaching). Điều đó có nghĩa là người có bằng tốt nghiệp cử nhân có thể trở thành GV nếu được đào tạo thạc sĩ giảng dạy. Sau đây chúng tôi giới thiệu chương trình thạc sĩ giảng dạy cấp tiểu học và chương trình thạc sĩ giảng dạy cấp trung học của Trường Đại học Wollongong (Australia). Cụ thể:

- *Chương trình thạc sĩ giảng dạy tiểu học* (Master of Teaching: Primary) kéo dài trong 2 năm (4 học kì) với 96 tín chỉ (gồm 16 học phần, mỗi học phần 06 tín chỉ). Trong chương trình thạc sĩ giảng dạy, học viên phải học kiến thức liên quan đến giảng dạy ở bậc tiểu học như: đọc hiểu và ngôn ngữ; tính toán và toán học; khoa học và kĩ thuật; lịch sử và địa lí; nghệ thuật; sức khỏe và giáo dục thể chất. Ngoài ra, học viên phải học kiến thức liên quan đến giao tiếp, điều chỉnh hành vi, giáo dục văn hóa bản địa và phương pháp dạy học ở tiểu học. Đặc biệt, trong 2 năm, học viên phải đi thực tế và giảng dạy ở trường phổ thông với tổng cộng là 73 ngày, trong đó học viên bắt buộc phải đến nhiều trường phổ thông khác nhau (xem *bảng 1*).

*Bảng 1. Khung chương trình thạc sĩ giảng dạy cấp tiểu học*

Học kì	Mã học phần/Tên học phần	Số tín chỉ
I (năm thứ nhất)	EDMP910: Đọc hiểu và ngôn ngữ I	6
	EDMP911: Tính toán và toán học I	6
	EDMT901: Dạy học là gì? (thực tế ở trường phổ thông: 04 ngày + 01 ngày/tuần trong 10 tuần + 03 tuần)	6
	EDMT902: Học tập là gì?	6
	EDMT903: Giao tiếp dành cho GV	6
II (năm thứ nhất)	EDMP912: Đọc hiểu và ngôn ngữ II	6
	EDMP913: Tính toán và toán học II	6
	EDMT903: Hành vi và sự điều chỉnh hành vi (thực tế ở trường phổ thông: 03 tuần)	6
	EDMT905: Người học và những nhu cầu đặc biệt	6
I (năm thứ hai)	EDMP914: Khoa học và kĩ thuật trong dạy học ở tiểu học	6
	EDMP915: Lịch sử và địa lí trong dạy học ở tiểu học	6
	EDMT906: Giáo dục văn hóa bản địa	6
	EDMT907: GV và cộng đồng (bao gồm cả chương trình dịch vụ nghề nghiệp)	6
II (năm thứ hai)	EDMP916: Nghệ thuật trong giáo dục	6
	EDMP917: Sức khỏe và giáo dục thể chất	6
	EDMT908: Bước vào nghề nghiệp (làm bài tập/dự án nghiên cứu, 05 tuần thực tập nghề nghiệp)	6

- *Chương trình thạc sĩ giảng dạy trung học* (Master of Teaching: Secondary) cũng kéo dài trong 2 năm

với 96 tín chỉ (gồm 16 học phần, mỗi học phần 6 tín chỉ). Có hai chương trình đào tạo thạc sĩ giảng dạy: + Đào tạo GV giảng dạy 01 môn chính (One Double Method) như: Tiếng Anh; Toán học; Khoa học; Phát triển cá nhân, sức khỏe và giáo dục thể chất; Nghệ thuật; Âm nhạc. Yêu cầu về kiến thức của môn học để được đăng kí học chương trình này do Ủy ban nghiên cứu tiêu chuẩn dạy học và giáo dục - BOSTES (Board of Studies Teaching and Educational Standards) quy định; + Đào tạo GV giảng dạy 01 môn chính, 01 môn phụ (Two Single Methods) như: Lịch sử; Địa lí; Thương mại hoặc Kinh tế; Văn hóa và xã hội bản địa. Yêu cầu về kiến thức của môn học chính và phụ để được đăng kí học chương trình này do BOSTES quy định. Chương trình được thiết kế gắn giữa lí thuyết với thực hành và trải nghiệm thực tế. Trong chương trình thạc sĩ, học viên cũng phải đi thực tế và giảng dạy ở trường phổ thông với tổng cộng là 73 ngày ở trường phổ thông, trong đó học viên bắt buộc phải đến các trường phổ thông khác nhau (xem *bảng 2*).

*Bảng 2. Khung chương trình thạc sĩ giảng dạy cấp trung học*

Học kì	Mã học phần/Tên học phần	Số tín chỉ
I (năm thứ nhất)	Phương pháp dạy học ở trung học I	12
	EDMS920: Đọc hiểu và tính toán ở trường trung học	6
	EDMT901: Dạy học là gì? (thực tế ở trường phổ thông: 03 tuần)	6
	EDMT902: Học tập là gì?	6
	EDMT903: Giao tiếp dành cho GV	6
II (năm thứ nhất)	Phương pháp dạy học ở trung học I (tiếp)	
	EDMS921: Hiểu biết về tuổi trưởng thành: Kiến tạo môi trường học tập hỗ trợ	6
	EDMT904: Hành vi và sự điều chỉnh hành vi (thực tế ở trường phổ thông: 03 tuần)	6
	EDMT905: Người học và những nhu cầu đặc biệt	6
I (năm thứ hai)	Phương pháp dạy học ở trung học II	12
	EDMS922: Đánh giá ở trường trung học	6
	EDMT906: Giáo dục văn hóa bản địa	6
	EDMT907: GV và cộng đồng (bao gồm cả chương trình dịch vụ nghề nghiệp)	6
II (năm thứ hai)	Phương pháp dạy học ở trung học II (tiếp)	
	EDMP923: Kiểm soát/quản lý hành vi trong dạy học ở trung học	6
	EDMT908: Bước vào nghề nghiệp (làm bài tập/dự án nghiên cứu, 05 tuần thực tập nghề nghiệp)	6

Như vậy, có thể nói chương trình thạc sĩ giảng dạy của Trường Đại học Wollongong chú trọng đến những hoạt động thực tế ở trường phổ thông, gắn lí thuyết với thực hành và văn hóa bản địa. Đánh giá trong đào tạo

bậc thạc sĩ tập trung vào đánh giá sự thông hiểu nghề nghiệp và kỹ năng thực hành giảng dạy.

Trong mỗi học kì, học viên đều phải xuống trường phổ thông để thực tập theo các giai đoạn (xem *bảng 3*).

*Bảng 3. Những hoạt động ở trường phổ thông*

Năm/Học kì	Hoạt động	Số ngày
Năm thứ nhất/Học kì I	Professional Immersion Program	13 ngày
Năm thứ nhất/Học kì II	* Initial Professional Experience	15 ngày (3 tuần)
Năm thứ hai/Học kì I	* Minor Professional Experience	15 ngày (3 tuần)
Năm thứ hai/Học kì II	Major Professional Experience	25 ngày (5 tuần)

\* Thực tập ở cùng một trường phổ thông.

Cụ thể như sau:

- *Giai đoạn 1 (PIP)*: Học viên quan sát sư phạm; tìm hiểu về trường học; tương tác GV - học sinh; tìm hiểu những vấn đề nảy sinh trong thực hiện dạy học; phân tích và phản hồi; tự tin trong xử lý tình huống, mối quan hệ với học sinh, GV và phụ huynh. Ở tuần thứ nhất, học viên xuống trường phổ thông 4 ngày (thứ hai, thứ ba, thứ tư và thứ sáu). Từ tuần thứ 2 đến tuần thứ 10, học viên xuống trường phổ thông vào thứ hai hàng tuần.

- *Giai đoạn 2 (Initial PEX)*: Học viên quan sát giờ giảng của GV hướng dẫn; tìm hiểu kỹ năng giảng dạy của GV; chiến lược quản lý lớp học; hỗ trợ GV tổ chức các hoạt động nhóm (hoạt động thể thao, dã ngoại, câu lạc bộ,...); nghiên cứu chương trình; soạn giáo án; thực hành dạy cá nhân; thực hành dạy nhóm và dạy một tình huống cụ thể.

- *Giai đoạn 3 (Minor PEX)*: Học viên tiếp tục quan sát giờ giảng mẫu ở tuần đầu tiên; tìm hiểu tài liệu hướng dẫn giảng dạy của BOSTES; soạn giáo án; thiết kế phương tiện dạy học và sau đó giảng dạy đến 50% khối lượng giảng dạy của GV ở tuần thứ 3.

- *Giai đoạn 4 (Major PEX)*: Học viên tiếp tục quan sát giờ giảng mẫu ở tuần đầu tiên; tìm hiểu tài liệu hướng dẫn giảng dạy của BOSTES; soạn giáo án; thiết kế phương tiện dạy học và sau đó giảng dạy đến 80% khối lượng giảng dạy của GV ở tuần thứ 4 và tuần thứ 5. Trong quá trình dạy, bài dạy và các phương tiện dạy học đều được duyệt bởi GV hướng dẫn.

Giữa các giai đoạn trên, một số hội thảo được tổ chức tại trường đại học để các học viên cùng thảo luận với giáo sư, chia sẻ ý tưởng và rút kinh nghiệm sau mỗi đợt thực tế ở trường phổ thông. Chuẩn đầu ra của học viên tốt nghiệp thạc sĩ giảng dạy đó là: + Có kiến thức và khả năng phát triển về lý thuyết, chính sách và thực hành trong lĩnh vực giáo dục, đánh giá và áp dụng trong thực hành nghề nghiệp giảng dạy của mình; + Có kỹ năng và kiến thức để đánh giá một cách phê phán, hiểu, thiết kế và thực hiện các nghiên cứu về khoa học giáo dục; + Hiểu biết về các tình huống phức tạp trong lớp học và trường học, phát triển qua các hoạt động nghề nghiệp ở trường học và đối thoại với đồng nghiệp; + Có khả năng sử dụng những phản hồi có tính phê phán để nâng cao năng lực nghề nghiệp và phương pháp dạy học. Điều này hoàn toàn phù hợp với khung trình độ năng lực quốc gia AQF ở bậc 9, nghĩa là học viên tốt nghiệp thạc sĩ phải có kiến thức chuyên sâu (là chuyên gia), có năng lực nghiên cứu (vận dụng lý thuyết vào thực tiễn), có năng lực thực hành nghề nghiệp và năng lực tự học.

## 2. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Chương trình bồi dưỡng chứng chỉ NVSP dành cho người có bằng cử nhân ngoài ngành sư phạm để trở thành GV dạy tiếng Anh cấp tiểu học được chia thành hai phần: Khối kiến thức bắt buộc tối thiểu (600 tiết) và khối kiến thức tự chọn (120 tiết). Nội dung chương trình bao gồm: - Kiến thức cơ bản về NVSP (lý thuyết: 80; thực hành: 125); - Kiến thức về phương pháp dạy tiếng Anh cấp tiểu học (lý thuyết: 55; thực hành: 155); - Kiến thức về phát triển năng lực NVSP (lý thuyết: 25; thực hành: 160). Chương trình bồi dưỡng chứng chỉ NVSP dành cho người có bằng cử nhân ngoài ngành sư phạm để trở thành GV THPT bao gồm: - Khối kiến thức bắt buộc (20 tín chỉ); - Khối kiến thức tự chọn (5 tín chỉ).

Như vậy, có thể nói khối lượng kiến thức trong chương trình cấp chứng chỉ NVSP ở Việt Nam còn tương đối ít so với 96 tín chỉ trong chương trình thạc sĩ giảng dạy của Australia. Trong khi chất lượng đào tạo bậc cử nhân chưa đảm bảo, chương trình cấp chứng chỉ NVSP còn nhiều hạn chế thì việc Bộ GD-ĐT tạm dừng việc cấp chứng chỉ NVSP dành cho GV THPT nhận được sự đồng thuận của nhiều chuyên gia và các nhà quản lý. Tuy nhiên, để đảm bảo tính đa dạng

trong đào tạo GV và tận dụng được chất xám của nguồn nhân lực chất lượng cao ngoài ngành sư phạm, mô hình đào tạo thạc sĩ giảng dạy tương tự của Australia là cần thiết cho Việt Nam ở thời điểm hiện nay. Mô hình này có thể khắc phục được những hạn chế trong việc đào tạo NVSP cho cử nhân ngoài ngành sư phạm để trở thành GV, đồng thời thu hút được những người giỏi, có tâm huyết có cơ hội để cống hiến cho ngành giáo dục.

Mô hình thạc sĩ giảng dạy (cấp tiểu học và cấp trung học) sẽ giúp cử nhân ngoài ngành sư phạm được bồi dưỡng kiến thức về NVSP, năng lực thực hành và lí tưởng nghề nghiệp. Khung chương trình đào tạo thạc sĩ giảng dạy của Việt Nam có thể tham khảo chương trình của Australia và dựa trên một số ý tưởng cơ bản sau đây: - Tăng cường thời gian học viên đi thực tế ở trường phổ thông ngay từ năm thứ nhất để quan sát, tìm hiểu môi trường giáo dục, dự giờ, thiết kế bài giảng và thực hành giảng dạy; - Khuyến khích giảng viên giảng dạy coi trường phổ thông là giảng đường thứ hai, đưa học viên xuống trường phổ thông giảng lí thuyết, sau đó chia nhóm học viên thành từng cặp vào các lớp dự giờ, phân tích những lí thuyết vừa được học. Nhóm học viên ghi chép kết quả và quay trở lại giảng đường ở trường đại học để thảo luận; - Xây dựng mô hình đào tạo thạc sĩ giảng dạy dựa trên mối quan hệ giữa cộng đồng (community), hệ thống các trường phổ thông (schools) và các trường đại học (universities). Trong mô hình này, việc kết nối thường xuyên với các trường phổ thông nhằm tạo môi trường giúp học viên: + Trải nghiệm thực tiễn giáo dục phổ thông; + Áp dụng lí thuyết ở trường đại học vào thực tiễn giáo dục ở nhà trường phổ thông; + Hợp tác trong nghiên cứu khoa học giáo dục và phát triển chương trình đào tạo. Từ đó giúp cho học viên được bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức liên quan đến chuyên ngành giảng dạy; tăng cường kiến thức liên ngành; có kĩ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động giáo dục; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành giáo dục; - Thành lập Ủy ban nghiên cứu giảng dạy và giáo dục quốc gia nhằm kiểm định chất lượng đào tạo GV, chất lượng các chương trình thạc sĩ giảng dạy, kiểm soát đầu vào và đầu ra của các trường sư phạm, các yêu cầu đối với

GV, đánh giá năng lực GV và cấp chứng chỉ hành nghề GV.

\*\*\*

Trước yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV và cán bộ quản lí giáo dục phổ thông, Bộ GD-ĐT cần thay chương trình bồi dưỡng NVSP (6 tháng) dành cho người có bằng cử nhân ngoài ngành sư phạm để trở thành GV bằng chương trình *Thạc sĩ giảng dạy* (2 năm). Các trường sư phạm dựa trên khung chương trình bồi dưỡng NVSP và tham khảo chương trình quốc tế để mở mã ngành thạc sĩ giảng dạy dành cho đối tượng là cử nhân ngoài ngành sư phạm. Đầu ra của chương trình này sẽ cung cấp nguồn lực GV có chất lượng, có tâm huyết thực sự với nghề dạy học. Đặc biệt, chương trình có thể thu hút những cử nhân có trình độ tiếng Anh tốt để chính họ có thể thành GV giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh sau khi tốt nghiệp hoặc tham gia tích cực vào thị trường nguồn nhân lực GV của các nước ASEAN. □

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội (2014). *Luật Giáo dục* (sửa đổi bổ sung năm 2009). NXB Lao động - Xã hội
- [2] AITSL (2011). *Australia professional standards for teachers*. Australia.
- [3] UOW (2016). *Teacher education handbook*. School of Education, University of Wollongong, Australia.
- [4] AQF (2013). *Australian qualifications framework*, Australia.
- [5] AITSL (2015). *Accreditation of initial teacher education programs in Australia*. Australia.
- [6] Bộ GD-ĐT (2014). *Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ* (ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [7] Bộ GD-ĐT (2011). *Chương trình tạm thời bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên dạy tiếng Anh ở cấp tiểu học* (ban hành kèm theo Quyết định số 6042/QĐ-BGDĐT ngày 29/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [8] Bộ GD-ĐT (2011). *Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên trung học phổ thông* (ban hành kèm theo Thông tư số 40/2011/TT-BGDĐT ngày 16/9/2011 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- [9] Bộ GD-ĐT (2014). *Quyết định số 1090/QĐ-BGDĐT ngày 27/3/2014 của Bộ GD-ĐT về việc tạm dừng bồi dưỡng, cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm cho những người tốt học nghiệp đại học muốn trở thành giáo viên trung học phổ thông*.